

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 782/2025/HS-PT

Ngày: 09-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Sỹ Hồng Nam

2/ Bà Đoàn Thị Hương Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 617/2025/HSPT ngày 27/10/2025 đối với các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4, do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với bản án hình sự sơ thẩm số 132/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Văn T (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại tỉnh C (nay là tỉnh C1); nơi thường trú và cư trú: Ấp Bào Sen, xã A, thị xã B, tỉnh C (nay là ấp Bào Sen, phường D, tỉnh C1); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Lê Văn X, sinh năm 1963 và bà Võ Thị Y, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Võ Ngọc U, sinh năm 1990 và 02 người con (con lớn, sinh năm 2016 và con nhỏ, sinh năm 2021); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo, bị tạm giữ từ ngày 13/5/2024, đến ngày 22/5/2024 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Lê Văn T1 (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1982, tại tỉnh C2 (nay là tỉnh C3); nơi thường trú: Tổ 18, ấp Mỹ Trung, xã A1, huyện B1, tỉnh C2 (nay là xã A2, tỉnh C3); nơi cư trú: 85 Phạm Văn Chí, Phường D1, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường D2, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch:

Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn X1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1953; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo, bị tạm giữ từ ngày 13/5/2024, đến ngày 22/5/2024 được thay đổi sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1:

+ Ông Trịnh Minh T7 là Luật sư của Công ty Luật TNHH Trịnh Minh T7, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

+ Ông Nguyễn Thành T8 là Luật sư của Công ty Luật TNHH Nam Sơn LST, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Văn P (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1999, tại tỉnh C2 (nay là tỉnh C3); nơi thường trú và cư trú: Ấp Mỹ Hội, xã A2, thị xã B2, tỉnh C2 (nay là ấp Mỹ Hội, xã A3, tỉnh C3); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thợ điện; con ông Nguyễn Văn X2, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Y2, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Hồ Tuấn P1 (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1987, tại tỉnh C1; nơi thường trú: Ấp Cái Kè, xã A4, huyện B3, tỉnh C1 (nay là ấp Cái Kè, xã A5, tỉnh C1); nơi cư trú: B7/21 ấp 16, xã A6, huyện B4 (nay là xã A7), Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Hồ Văn X3, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Dương Thị Y3, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị U1, sinh năm 1988 và 01 người con, sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

5. Nguyễn Thanh L (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và cư trú: C7/17 ấp 22, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A7, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông Nguyễn Tấn X4, sinh năm 1921 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y4, sinh năm 1922 (đã chết); bị cáo có vợ tên Phan Chí U2, sinh năm 1975 và 03 người con (con lớn nhất, sinh năm 1998 và 02 con nhỏ, cùng sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

6. Lương Trọng N (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1969, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 115 Phùng Hưng, Phường D3, Quận

M2, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: C7/17A ấp 22, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A7, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lương Chấn X5 (đã chết) và bà Trần Huệ Y5 (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị U3, sinh năm 1965 và 03 người con (con lớn nhất, sinh năm 1994 và con nhỏ nhất, sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

7. Nguyễn Văn T2 (tên gọi khác: Sim); giới tính: Nam; sinh năm 1982, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số 368/57 Tôn Đản, Phường D4, Quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường D5, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Nhà không số, ấp Phước Vĩnh, xã A8, huyện B5, tỉnh C5 (nay là xã A9, tỉnh C6); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; con ông Nguyễn Văn X6, sinh năm 1958 và bà Dương Thị Y6, sinh năm 1960; bị cáo có vợ tên Đào Hoàng U4, sinh năm 1982 và 02 người con (con lớn, sinh năm 2010 và con nhỏ, sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/5/2024 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

8. Nguyễn Thành P3 (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1968, tại tỉnh C3; nơi thường trú và cư trú tại: 211B Bãi Sậy, Phường D1 (Phường D4 cũ), Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường D2, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tài xế; con ông Nguyễn Thành X7, sinh năm 1937 và bà Lê Thị Y7, sinh năm 1937 (đã chết); bị cáo có vợ tên Hà Ngọc U5, sinh năm 1977 và 03 người con (con lớn nhất, sinh năm 1996 và con nhỏ nhất, sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2025 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

9. Trần Ra D (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1988 tại tỉnh C4 (nay là tỉnh C5); nơi thường trú: Tổ 2, ấp Phước Chung, xã A9, huyện B6, tỉnh C4 (nay là xã A10, tỉnh C5); nơi cư trú: C4/17K ấp 24, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A7, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; Con ông Trần Văn X8, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị Y8, sinh năm 1967; bị cáo có vợ tên Lê Minh U6, sinh năm 1990 và 01 người con, sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2025 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

10. Nguyễn Trường V (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1998, tại tỉnh C1; nơi thường trú: ấp Thôn Rôn, xã E, huyện B7, tỉnh C1 (nay là Ấp Thôn Rôn, xã E, tỉnh C1); nơi cư trú: C4/17W1, ấp 24, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A7, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Thanh X9, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Hồng Y9, sinh năm 1978; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2025 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

11. Đỗ Minh P4 (tên gọi khác: không); giới tính: Nam; sinh năm 1989, tại tỉnh C4 (nay là tỉnh C5); nơi thường trú: Tổ 4, ấp Tân Hòa, xã E1, huyện B8, tỉnh C4 (nay là xã E2, tỉnh C5); nơi cư trú: D7/21D, ấp 31, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã A7, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông không rõ và bà Đỗ Thị Y10, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là chị Huỳnh Thị U7, sinh năm 1992 và 01 người con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2025 đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

-Ngoài ra trong vụ án còn các bị cáo Lê Văn T6, Thạch Sa D1, Trần Văn B, Lương Vĩnh L1, Trần Quang T7 không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử xét thấy không liên quan đến kháng cáo của các bị cáo nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T6 bắt đầu tổ chức cho người khác tham gia đá gà ăn tiền tại bãi đất trống kế địa chỉ C7/17 Bầu Gốc, ấp 22, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 01/2024. T6 trực tiếp liên lạc với các con bạc để cấp độ đá gà, làm trọng tài và biện để lấy tiền xâu. Mỗi ngày, T6 tổ chức được khoảng 02-03 độ gà, thu tiền xâu được khoảng 500.000 đồng. T6 quy định mỗi độ gà thu tiền xâu 10% trên tổng số tiền đá sỏ và 5% trên tổng số tiền đá giao hữu và hàng xáo.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2024, T6 đã tổ chức được 02 độ gà, cụ thể:

* Độ gà thứ nhất: Giữa gà Chuối chấp gà Xanh đá ăn 9, cấp độ đá sỏ 2.000.000 đồng và đá giao hữu 1.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của độ gà là: 3.000.000 (gà Chuối) + 2.700.000 (gà Xanh) = 5.700.000 đồng.

-Bên gà Chuối: Chủ gà: Trần Ra D; Băng cựa và thả gà: Nguyễn Trường V ôm gà cho Đô băng cựa, thả gà; Số tiền tham gia cá cược đá gà là 3.000.000 đồng, gồm: Trần Ra D tham gia 1.500.000 đồng; Nguyễn Trường V tham gia 500.000

đồng; Nguyễn Thanh L tham gia 200.000 đồng; 02 đối tượng không rõ lai lịch tham gia 800.000 đồng.

-Bên gà Xanh: Chủ gà: K1 (không rõ lai lịch); Băng cựa và thả gà: Đỗ Minh P4 ôm gà cho K1 băng cựa, thả gà; Số tiền tham gia cá cược đá gà là 2.700.000 đồng, gồm: K1 tham gia 2.250.000 đồng; Đỗ Minh P4 tham gia 450.000 đồng;

Kết quả: gà Xanh thắng, T6 gom tiền của những người tham gia bên cánh gà Chuối của Trần Ra D được 3.000.000 đồng, T6 lấy xâu 250.000 đồng và chung tiền cho cánh gà Xanh của K1 2.750.000 đồng, Khải đưa cho Đỗ Minh P4 450.000 đồng.

* Độ gà thứ hai (bị bắt quả tang): Giữa gà Khét chấp gà Xám đá ăn 8; cấp độ đá sô 2.000.000 đồng, đá giao hữu 2.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của độ gà là: 4.000.000 (gà Khét) + 3.200.000 (gà Xám) = 7.200.000 đồng.

-Bên gà Khét: Chủ gà: Nguyễn Văn T2; Băng cựa và thả gà: Nguyễn Văn P ôm gà, Hồ Tuấn P1 băng cựa, thả gà; Số tiền tham gia cá cược đá gà là 4.000.000 đồng, gồm: Nguyễn Văn T2 tham gia 2.000.000 đồng (tiền đá sô); Trần Quang T7 tham gia 750.000 đồng; Nguyễn Văn P tham gia 750.000 đồng; Hồ Tuấn P1 tham gia 500.000 đồng.

-Bên gà Xám: Chủ gà, băng cựa và thả gà: Nguyễn Thanh L; Băng cựa và thả gà: Thạch Sa D1 ôm gà cho Nguyễn Thành P3 băng cựa, thả gà; Số tiền tham gia cá cược đá gà là 3.200.000 đồng, gồm: Nguyễn Thanh L tham gia 800.000 đồng (tiền đá sô); Nguyễn Thành P3 tham gia 240.000 đồng (tiền đá sô); Trần Văn B tham gia 160.000 đồng (tiền đá sô); Lê Văn T tham gia 200.000 đồng; Lê Văn T1 tham gia 400.000 đồng; Lương Vĩnh L1 240.000 đồng; Lương Trọng N 560.000 đồng; Thạch Sa D1 tham gia 200.000 đồng;

Kết quả: gà Xám thắng, T6 gom tiền của những người tham gia bên cánh gà Khét của Nguyễn Văn T2 được 4.000.000 đồng, T6 lấy xâu 300.000 đồng và chung tiền cho cánh gà Xám của Nguyễn Thanh L 3.700.000 đồng thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang như nội dung nêu trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh thì Lê Văn T6, Thạch Sa D1, Trần Văn B, Lương Vĩnh L1, Trần Quang T7, Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Trần Ra D, Nguyễn Trường V, Đỗ Minh P4 và Nguyễn Thành P3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:**

- Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn T6: 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 5 năm 2024. Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T6 20.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Thạch Sa D1: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 5 năm 2024. Xử phạt bổ sung bị cáo Thạch Sa D1 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn B: 01 (một) năm 03 (ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và trả tự do cho bị cáo Trần Văn B tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Văn B 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Vĩnh L1: 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 5 năm 2024. Xử phạt bổ sung bị cáo Lương Vĩnh L1 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Quang T7: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày 13 tháng 5 năm 2024. Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Quang T7 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn T: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2024 đến ngày 22 tháng 5 năm 2024. Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn T1: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2024 đến ngày 22 tháng 5 năm 2024. Xử phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T1 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn P 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Tuấn P1: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Hồ Tuấn P1 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L: 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh L 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lương Trọng N: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Lương Trọng N 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn T2 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P3: 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thành P3 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Ra D: 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Ra D 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trường V 10.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Minh P4: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Xử phạt bổ sung bị cáo Đỗ Minh P4 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Nguyễn Trường V có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Đỗ Minh P4 có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Lương Trọng N có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Trần Ra D có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Nguyễn Thanh Lợi có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Hồ Tuấn P1 có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn T2 có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16/9/2025, bị cáo Lê Văn T1 có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 19/9/2025, bị cáo Nguyễn Thành P3 có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 19/9/2025, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo không đồng ý với mức án mà Hội đồng xét xử đã tuyên, xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

***Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:**

- Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, đồng thời đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi tóm tắt nội dung bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhận thấy cấp sơ thẩm đã xét xử các bị

cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phân hóa vai trò của bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T cung cấp tài liệu gia đình có công với cách mạng, bị cáo L cung cấp tài liệu có anh trai là liệt sỹ và bị cáo T1 cung cấp đơn xác nhận có hoàn cảnh khó khăn bố mất hiện đang nuôi mẹ già bệnh nặng và là lao động chính trong gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc áp dụng cho các bị cáo trên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định pháp luật để thể hiện tính nhân đạo. Tuy nhiên, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo Lê Văn T1 không bào chữa.

Các luật sư Trịnh Minh T7 và Nguyễn Thành T8 bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1: Các luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lê Văn T1, Luật sư trình bày thêm về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo T1 như bị cáo T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo được Ủy ban nhân dân nơi cư trú xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có cha đã chết và mẹ già có nhiều bệnh án, các anh chị em không có thu nhập ổn định để chăm lo cho cha mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Lê Văn T1 được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Văn T1 nhất trí với lời bào chữa của các luật sư và không bào chữa bổ sung, đồng thời bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 không tự bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Qua nội dung đối đáp, đại diện Viện kiểm sát và luật sư đều giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 12/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm. Ngày 16/9/2025, các bị cáo Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn

Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; ngày 19/9/2025, các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn T và Nguyễn Thành P3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo nêu trên được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, trên cơ sở toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai về toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và nội dung bản án sơ thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 09 giờ 40 phút ngày 12 tháng 5 năm 2024, tại bãi đất trống kế bên địa chỉ C7/17 Bầu Gốc, ấp 22, xã A6, huyện B4, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Văn T6 tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà ăn tiền cho 15 con bạc.

Trận độ gà lần thứ nhất: Trần Ra D, Nguyễn Trường V, Đỗ Minh P4, Nguyễn Thanh L tham gia đá gà tại độ gà thứ nhất với tổng số tiền đánh bạc là 5.700.000 đồng.

Trận độ gà lần thứ 2: Thạch Sa D1, Trần Văn B, Lương Vĩnh L1, Trần Quang T7, Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thành P3 tham gia đá gà tại độ gà thứ hai với tổng số tiền đánh bạc là 7.200.000 đồng. Cụ thể số tiền đánh bạc của từng bị cáo như sau: Nguyễn Văn T2 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng; Trần Ra D sử dụng số tiền 1.500.000 đồng; Nguyễn Thanh L sử dụng số tiền 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn P sử dụng số tiền 750.000 đồng; Nguyễn Trường V sử dụng số tiền 500.000 đồng; Hồ Tuấn P1 sử dụng số tiền 500.000 đồng; Đỗ Minh P4 sử dụng số tiền 450.000 đồng; Nguyễn Thành P3 sử dụng số tiền 240.000 đồng; Thạch Sa D1 sử dụng số tiền 200.000 đồng; Trần Quang T7 sử dụng số tiền 750.000 đồng; Lương Trọng N sử dụng số tiền 560.000 đồng; Lê Văn T1 sử dụng số tiền 400.000 đồng; Lương Vĩnh L1 sử dụng số tiền 240.000 đồng; Lê Văn T sử dụng số tiền 200.000 đồng; Trần Văn B sử dụng số tiền 160.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Lê Văn T6, Thạch Sa D1, Trần Văn B, Lương Vĩnh L1, Trần Quang T7, Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Trần Ra D, Nguyễn Trường V, Đỗ Minh P4 và Nguyễn Thành P3 đã cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, các bị cáo đều giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo với các lý do các bị

cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình.

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Nguyễn Thành P3 trong quá trình điều tra ban đầu không thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức độ hạn chế hơn so với các bị cáo khác. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Thành P3 và Lê Văn T đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Thanh L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Về tình tiết tăng nặng bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Xét các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T1 cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ mới là lao động chính duy nhất trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của cấp có thẩm quyền), các bị cáo Nguyễn Thành P3 và Lê Văn T đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính, có gia đình có công với cách mạng, bị cáo Trần Ra D, Hồ Tuấn P1, Lương Trọng N không bị bắt quả tang và đã ra đầu thú, trình độ học vấn thấp, Nguyễn Thanh L có anh trai là liệt sỹ, các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Văn P, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Thanh L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4, thì mức án cơ bản là phù hợp, với tình tiết giảm nhẹ mới thì mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Nguyễn Thành P3, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn T2, Trần Ra D là có phần nghiêm khắc hơn, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thành P3, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn T2, Trần Ra D để sửa bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Riêng yêu cầu xin được án treo của bị cáo Nguyễn Thanh L khi bị cáo tham gia cá độ 02 lần, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, nên không có cơ sở để chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh L, để cho bị cáo L được hưởng án treo.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo còn lại trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như cân nhắc đến nhân thân phạm tội của các bị cáo theo quy định Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 (nay là Điều 2 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có hiệu lực từ ngày 10/7/2025), thì có cơ sở xem xét để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Hồ Tuấn P1, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Nguyễn Văn P, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 do có tình tiết giảm nhẹ mới. Các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn, ngoài ra tính đến thời điểm này thì các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và giảm một phần hình phạt như đã nhận định trên và cho các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Hồ Tuấn P1, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Nguyễn Văn P, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách, là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để không chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và y án sơ thẩm.

Đồng thời, chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ mà các luật sư đã bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1, chấp nhận đề nghị cho bị cáo Lê Văn T1 được hưởng án treo.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Hồ Tuấn P1, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thành L, Lương Trọng N, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 và sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 132/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về hình phạt:

2.1/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn T: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh C (nay là phường D, tỉnh C1) là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Lê Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách Nhà nước.

2.2/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Lê Văn T1 cho Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận M (nay là phường D2), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Lê Văn T1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Lê Văn T1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Lê Văn T1 phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.3/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã A2, thị xã B2, tỉnh C2 (nay là xã A3, tỉnh C3) là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Văn P cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.4/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồ Tuấn P1: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Hồ Tuấn P1 cho Ủy ban nhân dân xã A6, huyện B4 (nay là xã A7), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Hồ Tuấn P1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Hồ Tuấn P1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Hồ Tuấn P1 phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.5/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.6/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lương Trọng N: 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm 08 (Tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Lương Trọng N cho Ủy ban nhân dân xã A6, huyện B4 (nay là xã A7), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Lương Trọng N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Lương Trọng N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Nguyên phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.7/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã A8, huyện B5, tỉnh C5 (nay là xã A9, tỉnh C6) là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Văn T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.8/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P3: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Thành P3 cho Ủy ban nhân dân Phường D1 (Phường D4 cũ), Quận M (nay là phường D2), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thành P3 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thành P3 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành P3 phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.9/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Ra D: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Trần Ra D cho Ủy ban nhân dân xã A6, huyện B4 (nay là xã A7), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Trần Ra D cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Ra D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Trần Ra D phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.10/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Trường V cho Ủy ban nhân dân xã A6, huyện B4 (nay là xã A7), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Trường V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Trường V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường V phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2.11/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh P4: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 09/12/2025.

Giao bị cáo Đỗ Minh P4 cho Ủy ban nhân dân xã A6, huyện B4 (nay là xã A7), Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Đỗ Minh P4 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Đỗ Minh P4 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Buộc bị cáo Đỗ Minh Phụng phải nộp số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

3. Về án Phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn T1, Hồ Tuấn P1, Lương Trọng N, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thành P3, Trần Ra D, Nguyễn Trường V và Đỗ Minh P4 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|------|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM | (1) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - VKSND Khu vực 10; | (1) |
| - TAND Khu vực 10; | (1) |
| - THADS TP.HCM | (1) |
| - Phòng THADS Khu vực 10; | (1) |
| - Bị cáo; | (10) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (10) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ (38) | (8) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn

